

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2008

Hội Đồng Quản Trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC (sau đây gọi chung "Công ty") đã được kiểm toán cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2008.

1. Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc Công Ty:

Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản Trị

Ông Lê Minh Diễm	Chủ tịch	Đến ngày 18 tháng 11 năm 2008.
Ông Nguyễn Chí Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2008
Ông Trịnh Xuân Vương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2008
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên	
Ông Trương Đức Vọng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đăng Thoại	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Diễm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2008
Ông Trương Đức Vọng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Tổng Giám đốc	

2. Các hoạt động chính

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000893 ngày 25 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, lần 3 ngày 04/06/2007, lần 4 ngày 28/06/2007, lần 5 ngày 24/07/2007, lần 6 ngày 18/01/2008, lần 7 ngày 18/10/2008.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Vốn điều lệ công ty đến thời điểm 31/12/2008 là : 81.900.000.000 đồng

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty :

Trồng và chế biến dược liệu. Sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc trang thiết bị y tế, hoá chất, mỹ phẩm và thực phẩm. Sản xuất mua bán rượu, nước uống có cồn, nước uống có gas. (Không sản xuất tại trụ sở). Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch : nhà nghỉ. (Không hoạt động tại trụ sở).

Công ty con:

- Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm OPC - Bình Dương

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2008

3. Những thay đổi đáng chú ý

Năm 2008, Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2008 với các nội dung sau:

- Loại chứng khoán cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
- Mã chứng khoán OPC.
- Số lượng chứng khoán niêm yết: 8.190.000 cổ phiếu (Tám triệu một trăm chín mươi ngàn cổ phiếu).
- Giá trị chứng khoán niêm yết: 81.900.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ chín trăm triệu đồng).

4. Kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2008

Hội đồng Quản trị nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC).

- | | |
|---|----------------------|
| - Tổng doanh thu thuần và thu nhập khác | 225.954.016.164 đồng |
| - Tổng chi phí | 191.470.341.365 đồng |
| - Lãi trước thuế | 34.483.674.799 đồng |

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học (AISC) được chỉ định là kiểm toán cho niên độ tài chính kết thúc 31/12/2008.

6. Cam kết của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội Đồng Quản Trị đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Hội Đồng Quản Trị đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào nay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ nay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2008

- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký)

Nguyễn Chí Linh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số : 12.08.807/AISC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Kính gửi : Cổ Đông , Hội Đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ tài chính từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2008 của CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC được soạn thảo ngày 27 tháng 02 năm 2009 từ trang 05 đến trang 24 đính kèm.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra các ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả kiểm toán của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt nam.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và các công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám Đốc của Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, chế độ kế toán, việc áp dụng nhất quán và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng báo cáo tài chính tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2009

KIỂM TOÁN VIÊN

Trương Diệu Thúy

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV



Đặng Ngọc Tú

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang : 92 A Quang Trung St, Hai Chau Dist, Da Nang

Representative in Can Tho : 64 Nam Ky Khoi Nghia St, Ninh Kieu Dist, Can Tho

Representative in Hai Phong : 21 Luong Khanh Thien St, Ngo Quyen Dist, Hai Phong

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0511) 389 5619

Tel: (0710) 3813 004

Tel: (031) 3920 797

Fax: (0511) 389 5620

Fax: (0710) 3828 765

Fax: (031) 3920 793

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscvt@dn.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.431.748.301	180.440.320.384
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.808.783.285	40.729.778.709
1- Tiền	111		15.808.783.285	9.180.507.095
2- Các khoản tương đương tiền				31.549.271.614
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	49.043.600.000	45.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		49.043.600.000	45.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	29.792.876.230	50.025.078.795
1- Phải thu của khách hàng	131		27.008.785.819	13.594.404.811
2- Trả trước cho người bán	132		2.013.104.595	24.653.620.605
5- Các khoản phải thu khác	135		770.985.816	11.777.053.379
IV. Hàng tồn kho	140	V. 4	63.392.168.881	42.082.998.707
1- Hàng tồn kho	141		63.392.168.881	42.082.998.707
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	3.394.319.905	2.602.464.173
1- Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.134.250	58.390.000
2- Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.611.835.507	-
3- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			105.929.557
4- Tài sản ngắn hạn khác	158		757.350.148	2.438.144.616
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.177.143.815	62.024.146.549
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.6		
II. Tài sản cố định	220		78.162.143.815	37.755.697.223
1- Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	65.462.528.506	35.106.887.549
- Nguyên giá	222		108.810.271.536	73.036.060.585
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.347.743.030)	(37.929.173.036)
3- Tài sản cố định vô hình	227	V.9	12.633.524.400	2.244.629.000
- Nguyên giá	228		12.633.524.400	2.244.629.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	66.090.909	404.180.674
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	17.015.000.000	24.265.000.000
2- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		250.000.000	250.000.000
3- Đầu tư dài hạn khác	258		23.965.000.000	24.015.000.000
4- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.200.000.000)	
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.12	-	3.449.326
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			3.449.326
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		256.608.892.116	242.464.466.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.380.852.185	20.138.835.265
I. Nợ ngắn hạn	310	V.13	17.562.233.995	19.531.050.961
1- Vay và nợ ngắn hạn	311		800.000.000	800.000.000
2- Phải trả cho người bán	312		8.303.727.038	5.512.292.398
3- Người mua trả tiền trước	313			15.120.000
4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.270.118.663	1.965.274.080
5- Phải trả công nhân viên	315			60.045.674
9- Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		6.188.388.294	11.178.318.809
10- Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330	V.14	818.618.190	607.784.304
5- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		818.618.190	607.784.304
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		238.228.039.931	222.325.631.668
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	233.650.809.504	218.122.617.027
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		81.900.000.000	78.000.000.000
2- Thặng dư vốn cổ phần	412		109.413.390.783	109.563.390.783
6- Quỹ đầu tư phát triển	417		22.122.241.715	14.793.157.021
7- Quỹ dự phòng tài chính	418		6.206.432.125	4.820.432.125
8- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
9- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.008.744.881	10.945.637.098
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	V.16	4.577.230.427	4.203.014.641
1- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		4.577.230.427	4.203.014.641
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		256.608.892.116	242.464.466.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.038.38	1.122.449.09
- EUR		501.14	500.66

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Hồ Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	219.019.005.327	180.141.885.763
2- Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	479.280.068	719.914.007
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	218.539.725.259	179.421.971.756
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.28	125.721.218.079	93.101.613.058
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92.818.507.180	86.320.358.698
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	6.745.036.154	4.227.147.678
7- Chi phí tài chính	22	VI.30	7.638.788.321	1.658.777.879
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		417.044.547	1.631.251.173
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			7.200.000.000	
8- Chi phí bán hàng	24		42.155.274.979	38.833.301.301
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.953.359.986	12.682.039.858
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.816.120.048	37.373.387.338
11- Thu nhập khác	31	VI.31	669.254.751	337.735.806
12- Chi phí khác	32	VI.32	1.700.000	7.900.000
13- Lợi nhuận khác	40		667.554.751	329.835.806
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.483.674.799	37.703.223.144
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.33	3.228.776.939	3.825.985.808
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.34	3.449.326	(3.449.326)
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		31.251.448.534	33.880.686.662
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	3.785	5.622

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Hồ Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B 03 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.483.674.799	37.703.223.144
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.743.790.774	5.078.082.767
- Các khoản dự phòng	03		7.200.000.000	214.510.775
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			27.526.706
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.745.036.154)	(4.381.047.678)
- Chi phí lãi vay	06		417.044.547	1.631.251.173
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<u>42.099.473.966</u>	<u>40.273.546.887</u>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		20.017.578.619	(9.228.496.850)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(21.309.170.174)	(7.663.950.004)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.841.039.989)	6.670.022.506
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		33.255.750	(1.890.000)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(417.044.547)	(1.631.251.173)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.442.882.443)	(4.295.490.313)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		790.843.782	412.603.920
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.747.390.994)	(5.303.869.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>32.183.623.970</u>	<u>19.231.225.183</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(47.114.237.366)	(15.793.507.790)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		50.181.818	10.409.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.355.162.500)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.043.162.500	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.993.600.000)	(59.490.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.745.036.154	4.381.047.678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(44.624.619.394)</u>	<u>(70.892.051.021)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B 03 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21	3.900.000.000	129.563.390.783
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(37.010.900.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(16.380.000.000)	(12.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.480.000.000)	80.752.490.783
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(24.920.995.424)	29.091.664.945
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		40.729.778.709	11.638.113.764
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<u>15.808.783.285</u>	<u>40.729.778.709</u>

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Hồ Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

I. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000893 ngày 25 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, lần 3 ngày 04/06/2007, lần 4 ngày 28/06/2007, lần 5 ngày 24/07/2007, lần 6 ngày 18/01/2008, lần 7 ngày 18/10/2008.

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - kinh doanh
3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng và chế biến dược liệu. Sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc trang thiết bị y tế, hoá chất, mỹ phẩm và thực phẩm. Sản xuất mua bán rượu, nước uống có cồn, nước uống có gas. (Không sản xuất tại trụ sở) Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch : nhà nghỉ. (Không hoạt động tại trụ sở)

4. Công Ty con :

Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm OPC Bình Dương

Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm OPC Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4604000067 ngày 11 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Hóa Nhứt , Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH một thành viên

Ngành nghề kinh doanh:

Trồng cây dược liệu. Sản xuất thực phẩm chức năng. Chưng, tinh cất và pha chế rượu mạnh. Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai. Sản xuất mỹ phẩm. Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Bán buôn đồ uống. Bán buôn thực phẩm chức năng. Bán buôn dược phẩm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán:**

Năm tài chính đầu tiên: Từ ngày 01/08/2007 - đến 31/12/2007.

Các năm tài chính tiếp theo: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính: Việt Nam đồng.**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp****1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam (tiếp theo):

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.**IV. Các chính sách kế toán áp dụng:****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất****Cơ sở kế toán chung**

Các Báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế Việt Nam và các qui định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất gồm Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ phần OPC và Báo cáo tài chính của Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm OPC Bình Dương.

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được qui đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của liên ngân hàng Nhà Nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các tài khoản ngoại tệ được kết chuyển vào lãi, lỗ của niên độ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Được ghi nhận theo giá gốc. (Thực hiện theo chuẩn mực số 02 "Hàng tồn kho").

Phương pháp xác định giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: áp dụng theo thông tư 13/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo):

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được đưa vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình: Nguyên giá được ghi nhận là toàn bộ chi phí bỏ ra để có tài sản cố định.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát :

- Nguyên tắc ghi nhận theo giá gốc

- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Với mức trích lập tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Công Ty trong các tổ chức kinh tế này.

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa có hoá đơn, chứng từ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm áp dụng theo thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% trên quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được xác định căn cứ theo giấy phép đăng ký kinh doanh và giá trị của các khoản vốn thực tế đã được ghi nhận trên sổ kế toán của Công Ty.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

+ Năm 2008, Công ty tăng vốn Điều lệ từ 78.000.000.000 VND lên 81.900.000.000 VND theo Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông bất thường số 666-NQ/TCHC - OPC lấy ý kiến bằng văn bản ngày ngày 10/9/2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quyết định của Hội đồng Quản Trị và theo Điều lệ Công Ty.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2008 được phân chia theo tỷ lệ sau:

+ Quỹ đầu tư phát triển : 15% lợi nhuận sau thuế.

+ Quỹ dự phòng tài chính : 5% lợi nhuận sau thuế.

+ Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi : 10% lợi nhuận sau thuế

- Lợi nhuận còn lại để tích lũy tăng vốn điều lệ khi có nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng bán hàng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế TNDN tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất theo quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán chi tiết như sau:

Công ty mẹ

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất thuế là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế TNDN phải nộp là 20% trên lợi nhuận thu được trong 10 năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận, được miễn thuế trong 2 năm từ năm 2002 và giảm 50% cho 5 năm kể từ năm 2004.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo):

Công ty con

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất thuế là 28% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2008, là năm đầu tiên Công Ty đăng ký miễn giảm thuế ưu đãi (miễn 100% thuế TNDN) theo qui hiện hành của chính sách thuế trong 4 năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân Đối Kế Toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2008	01/01/2008
- Tiền mặt	1.583.625.573	9.180.507.095
- Tiền gửi ngân hàng	14.225.157.712	31.549.271.614
+ VND	14.194.751.577	13.572.667.104
+ Ngoại tệ	30.406.135	17.976.604.510
Cộng	15.808.783.285	40.729.778.709
2. Đầu tư ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
- Đầu tư ngắn hạn khác	49.043.600.000	45.000.000.000
+ Tiền gửi tiết kiệm NH TMCP Quân Đội - CN Gò Vấp	35.000.000.000	40.000.000.000
+ Tiền gửi tiết kiệm NH NN & PTNT CN 6	14.043.600.000	5.000.000.000
Cộng	49.043.600.000	45.000.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Phải thu khác	770.985.816	11.777.053.379
+ Trả 35% HD 13/HDTV-15/11/07- Lập hồ sơ sử dụng đất	495.000.000	315.000.000
+ Công trình nhà xưởng Bình Dương chờ kết chuyển		1.340.310.118
+ Tiền thực hiện HD tư vấn phát hành CP		50.000.000
+ Chi phí xây dựng phân xưởng hóa dược 2		1.211.090.846
+ Phải thu cửa hàng Vũng Tàu		254.256.119
+ Phải thu Chi nhánh Hà Nội		3.772.223.935
+ Phải thu Chi nhánh Cần Thơ		4.734.800.204
+ Phải thu tiền Bảo Hộ Lao Động (PX4)		11.872.679
+ Tạm nộp bảo hiểm xã hội tháng 12/2008	280.606	31.186.220
+ Phải thu nội bộ	275.705.210	36.582.856
+ Phải thu tiền thuế TNCN		19.730.402
Cộng	770.985.816	11.777.053.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

4. Hàng tồn kho	31/12/2008	01/01/2008
- Nguyên liệu, vật liệu	37.874.413.687	25.524.262.144
- Công cụ, dụng cụ	88.665.744	210.745.878
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		296.765.644
- Thành phẩm	22.764.609.966	15.633.938.500
- Hàng hóa	336.602.242	17.596.433
- Hàng gửi đi bán	2.327.877.242	399.690.108
Cộng giá gốc hàng tồn kho	63.392.168.881	42.082.998.707

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2008	01/01/2008
- Thuế TNDN nộp thừa		33.256.485
- Thuế GTGT		65.885.032
- Thuế xuất nhập khẩu		6.788.040
Cộng		105.929.557

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Thiết bị quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	33.358.986.221	32.144.251.785	5.319.266.988	254.545.454	1.959.010.137	73.036.060.585
Tăng mới	18.601.913.712	16.898.690.249	644.621.744		954.206.026	37.099.431.731
Thanh lý, nhượng bán	174815000	970.405.780	180.000.000			1.325.220.780
Số dư cuối năm	51.786.084.933	48.072.536.254	5.783.888.732	254.545.454	2.913.216.163	108.810.271.536
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.194.680.569	23.023.741.325	2.431.526.378	2.828.283	1.276.396.481	37.929.173.036
Khấu hao trong năm	2.044.646.347	3.693.464.878	619.245.643	16.969.694	369.464.212	6.743.790.774
Thanh lý, nhượng bán	174.815.000	970.405.780	180.000.000			1.325.220.780
Số dư cuối năm	13.064.511.916	25.746.800.423	2.870.772.021	19.797.977	1.645.860.693	43.347.743.030
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	22.164.305.652	9.120.510.460	2.887.740.610	251.717.171	682.613.656	35.106.887.549
Tại ngày cuối năm	38.721.573.017	22.325.735.831	2.913.116.711	234.747.477	1.267.355.470	65.462.528.506
* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					20.129.707.581	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	2.244.629.000	2.244.629.000
Tăng trong năm	10.388.895.400	10.388.895.400
Số dư cuối năm	12.633.524.400	12.633.524.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
Tại ngày đầu năm	2.244.629.000	2.244.629.000
Tại ngày cuối năm	12.633.524.400	12.633.524.400

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008	01/01/2008
- Chi phí đầu tư xây dựng nhà máy OPC Bình Dương chờ kết chuyển		66.608.802
- Phí tư vấn thành lập bản cam kết bảo vệ môi trường	9.090.909	
- Thù lao Ban QLDA từ T7/2008 đến T12/2008	57.000.000	
- Nhà để xe ô tô và xe bồn		337.571.872
Cộng	66.090.909	404.180.674

13. Đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn	31/12/2008		01/01/2008
	Số lượng	Giá trị	Giá trị
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (góp vốn liên doanh)		250.000.000	250.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		23.965.000.000	24.015.000.000
+ Trái phiếu kho bạc Nhà nước		100.000.000	150.000.000
+ Quỹ HANOIFUND	5.000	5.075.000.000	5.075.000.000
+ Quỹ TIGERFUND	1.000.000	10.100.000.000	10.100.000.000
+ Cổ phiếu Cty CP VTYT Dược Thái Bình	7.000	790.000.000	790.000.000
+ Cổ phiếu Cty CPDPTW VIDIPHA	100.000	3.800.000.000	3.800.000.000
+ Cổ phiếu Cty Dược & TBYT Hà Tĩnh	5.000	1.250.000.000	1.250.000.000
+ Cổ phiếu Cty Bao bì Dược	100.000	1.500.000.000	1.500.000.000
+ Cổ phiếu Cty Hóa Dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000	1.250.000.000
+ Cổ phiếu Cty Dược &TBVT YT Tuyên Quang	10.000	100.000.000	100.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.200.000.000)	
Cộng		17.015.000.000	24.265.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

13. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
- Vay ngắn hạn		
+ Đối tượng khác	800.000.000	800.000.000
Cộng	800.000.000	800.000.000
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2008	01/01/2008
+ Thuế GTGT		
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.248.776.939	1.462.882.443
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.116.893	48.874.150
+ Thuế thu nhập cá nhân	1.013.224.831	453.517.487
	2.270.118.663	1.965.274.080
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
+ Kinh phí công đoàn	277.353.819	270.333.391
+ Các khoản phải trả khác	5.911.034.475	10.907.985.418
Tiền đặt cọc thuê nhà	18.000.000	18.000.000
Tiền thực hiện đề tài nghiên cứu	77.420.475	
Trích trước cổ tức đợt cuối 2008 (4%)	3.276.000.000	2.436.000.000
Tiền cổ tức 2008 chưa nộp NN	2.533.440.000	
Tiền cổ tức trả cho cổ đông	6.174.000	6.292.000.000
Thu tiền giữ hộ		987.772.160
Thu tiền mua cổ phiếu đợt chào bán (21/12/2007)		1.174.213.258
Cộng	6.188.388.294	11.178.318.809
21. Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2008	01/01/2008
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	3.449.326
- Tài sản thuế TN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	-	3.449.326

(*) Khoản thuế thu nhập đã được tính cho khoản lợi tức chưa thực hiện (do hàng hoá từ công ty con xuất bán cho công ty mẹ chưa được bán ra ngoài) trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm 2007	40.000.000.000		15.902.287.445	3.350.432.125	11.704.107.416	70.956.826.986
Tăng vốn năm 2007	38.000.000.000					38.000.000.000
Thặng dư do phát hành cổ phiếu		109.563.390.783				109.563.390.783
Lãi sau thuế năm 2007					33.880.686.662	33.880.686.662
Trích các quỹ			5.186.762.160	1.470.000.000	(9.596.762.160)	(2.940.000.000)
Chia lợi nhuận cho liên doanh					(572.602.647)	(572.602.647)
Chia lợi nhuận cho phân xưởng Côn					(165.684.757)	(165.684.757)
Cổ tức năm 2007					(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
Chia lãi năm trước			(6.295.892.584)		(11.704.107.416)	(18.000.000.000)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	78.000.000.000	109.563.390.783	14.793.157.021	4.820.432.125	10.945.637.098	218.122.617.027
Tăng vốn năm 2008	3.900.000.000					3.900.000.000
- Chi phí phát hành		(150.000.000)				(150.000.000)
- Lãi trong năm nay					31.251.448.534	31.251.448.534
- Thuế TNDN được miễn giảm tăng quỹ			3.172.084.694		(3.172.084.694)	-
- Trích các quỹ từ lãi năm 2008			4.157.000.000	1.386.000.000	(5.543.000.000)	-
- Trích quỹ KT & PL từ lãi năm 2008					(2.772.000.000)	(2.772.000.000)
- Phân chia lợi nhuận cho liên doanh					(377.948.302)	(377.948.302)
- Phải thu thuế liên doanh					56.692.245	56.692.245
- Cổ tức năm 2008 (20%)					(16.380.000.000)	(16.380.000.000)
Số dư cuối năm nay	81.900.000.000	109.413.390.783	22.122.241.715	6.206.432.125	14.008.744.881	233.650.809.504

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2008	01/01/2008
Vốn góp của Nhà nước	15.834.000.000	15.080.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.066.000.000	62.920.000.000
Cộng	81.900.000.000	78.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2008	Năm 2007
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	81.900.000.000	78.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	78.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	3.900.000.000	38.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	81.900.000.000	78.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	109.413.390.783	109.563.390.783
- Cổ tức đã tạm chia (**)	16.380.000.000	12.600.000.000

(*) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000893 thay đổi lần 3 (04/06/2007) và lần 5 (24/07/2007) tăng vốn điều lệ là 78.000.000.000 đồng, lần 6 (18/01/2008) tăng vốn điều lệ là 81.900.000.000 đồng, lần 7 ngày 18/10/2008.

(**) Cổ tức chia năm 2008 là 20%: trên tổng vốn chủ sở hữu là 81.900.000.000 đồng.

d. Cổ tức:	Năm 2008	Năm 2007
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	20%	18%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	20%	18%

đ. Cổ phiếu:	Năm 2008	Năm 2007
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.190.000	7.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.190.000	7.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.190.000	7.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8.190.000	7.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.190.000	7.800.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e. Các quỹ	Năm 2008	Năm 2007
- Quỹ đầu tư phát triển	22.122.241.715	14.793.157.021
- Quỹ dự phòng tài chính	6.206.432.125	4.820.432.125
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.577.230.427	4.203.014.641
Cộng	32.905.904.267	23.816.603.787

* Mục đích trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công Ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh và những khoản lỗ của Công ty theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

	Năm 2008	Năm 2007
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	219.019.005.327	180.141.885.763
+ Doanh thu bán thành phẩm hàng hoá	198.170.423.899	178.491.695.014
+ Doanh thu bán vật tư	20.426.117.521	1.627.281.658
+ Doanh thu dịch vụ	422.463.907	22.909.091
26. Các khoản giảm trừ doanh thu	479.280.068	719.914.007
+ Hàng bán bị trả lại	323.354.060	522.944.704
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	155.926.008	195.974.530
+ Giảm giá hàng bán		994.773
27. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	218.539.725.259	179.421.971.756
+ Doanh thu bán thành phẩm hàng hoá	197.691.143.831	177.771.781.007
+ Doanh thu bán vật tư	20.426.117.521	1.627.281.658
+ Doanh thu dịch vụ	422.463.907	22.909.091
28. Giá vốn hàng bán	Năm 2008	Năm 2007
+ Giá vốn thành phẩm đã bán	105.091.769.113	91.317.498.270
+ Giá vốn vật tư đã bán	20.629.448.966	1.784.114.788
Cộng	125.721.218.079	93.101.613.058
29. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2008	Năm 2007
- Lãi tiền gửi, cho vay	6.318.824.954	4.227.147.678
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	426.211.200	
- Cho thuê tài sản		
Cộng	6.745.036.154	4.227.147.678
30. Chi phí tài chính	Năm 2008	Năm 2007
- Lãi tiền vay	417.044.547	1.631.251.173
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7.200.000.000	
- Chi phí tài chính khác	21.743.774	27.526.706
Cộng	7.638.788.321	1.658.777.879
31. Thu nhập khác	Năm 2008	Năm 2007
- Tiền thanh lý TSCĐ	50.181.818	10.409.091
- Thu tiền cổ tức		153.900.000
- Các khoản khác	619.072.933	173.426.715
Cộng	669.254.751	337.735.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

32. Chi phí khác	Năm 2008	Năm 2007
- Tiền phạt hành chính	1.700.000	7.900.000
Cộng	1.700.000	7.900.000
33. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2008	Năm 2007
33. 1- Tổng lợi nhuận kế toán năm hiện hành	34.483.674.799	37.703.223.144
Điều chỉnh tăng thu nhập kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	191.634.852	321.149.064
+ Khoản lợi nhuận chưa thực hiện khi công ty con bán hàng cho công ty mẹ.	7.532.952	12.319.021
+ Chi phí không có hoá đơn chứng từ theo quy định	182.401.900	300.930.043
+ Chi phí vi phạm hành chính	1.700.000	7.900.000
Điều chỉnh giảm thu nhập kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	816.478.523	827.550.173
+ Thu từ cổ tức lợi nhuận được chia	426.211.200	
+ Lợi nhuận chia cho liên doanh	377.948.302	
+ Lợi nhuận thực hiện của khoản lợi tức chưa thực hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007	12.319.021	
33. 2- Tổng thu nhập chịu thuế	34.236.779.430	37.870.472.208
+ Công ty mẹ	31.720.846.938	37.167.621.601
+ Công ty con	2.137.984.190	29.200.434
+ Hoạt động liên doanh (nộp hộ)	377.948.302	673.650.173
33. 3- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.999.497.206	7.542.747.968
+ Công ty mẹ (20%)	6.344.169.388	7.433.524.320
+ Công ty con (28%)	598.635.573	8.176.122
+ Hoạt động liên doanh (nộp hộ liên doanh 15%)	56.692.245	101.047.526
33. 4- Thuế thu nhập được miễn, giảm.	3.827.412.512	3.716.762.160
+ Công ty mẹ (10%)	3.172.084.694	3.716.762.160
+ Công ty con được miễn 100%	598.635.573	
+ Hoạt động liên doanh	56.692.245	
33. 5- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm hiện hành	3.228.776.939	3.825.985.808
+ Công ty mẹ (10%)	3.172.084.694	3.716.762.160
+ Công ty con (28%) (*)		8.176.122
+ Hoạt động liên doanh (nộp hộ liên doanh 15%)	56.692.245	101.047.526
34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2008	Năm 2007
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)		3.449.326
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại		3.449.326
(*) Hoãn lại khoản chi phí thuế thu nhập đã nộp cho khoản lợi tức chưa thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	31.251.448.534	33.880.686.662
Các khoản điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu	(321.256.057)	(572.602.647)
- Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Khoản chênh lệch nhỏ hơn giữ giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của của phiếu ưu đãi		
- Các khoản điều chỉnh giảm	321.256.057	572.602.647
+ Lợi nhuận chia cho liên doanh	321.256.057	572.602.647
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.930.192.477	33.308.084.015
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.171.583	5.924.444
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3/4)	3.785	5.622
36. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2008	Năm 2007
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.174.333.025	93.928.629.559
- Chi phí nhân công	31.419.979.199	26.288.722.944
- Chi phí khấu hao	6.743.790.774	5.111.511.338
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.085.643.382	2.132.580.924
- Chi phí khác bằng tiền	27.267.073.510	23.535.370.776
Cộng	176.690.819.890	150.996.815.541

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Hồ Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng